

Số: 4764/VĐ-KD

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá hóa chất xét nghiệm
vi sinh không theo máy năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm hóa chất xét nghiệm vi sinh không theo máy năm 2025.

I Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Địa chỉ: Số 40 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS. Phạm Ngọc Hoa Linh - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (SĐT: 024.38.253.531/Số máy lẻ 106).
3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, tầng 3, tòa A3, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Nhận qua email: vietchospitalmuasam@gmail.com*(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo cả 2 hình thức nêu trên)*
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 28 tháng 8 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 8 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 8 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá (chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm)
2. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá theo mẫu như Phụ lục 2 đính kèm;
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá;
- Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của sản phẩm;
- Tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa.

Lưu ý: Quy cách đóng gói trong bảng danh mục các mặt hàng chào giá chỉ mang tính chất tham khảo. Trong trường hợp có sai khác, các đơn vị viết rõ quy cách đóng gói của đơn vị mình trong báo giá gửi cho Bệnh viện.

3. Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
4. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 24-72 giờ kể từ khi nhận được thông báo nhu cầu sử dụng (trừ thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết)
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng
 - Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước)
6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, hướng dẫn sử dụng, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành;
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Rất mong nhận được sự tham gia của các hãng sản xuất, các nhà cung cấp. *HL*
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Đương Đức Hùng

Phụ lục 1 - Hóa chất xét nghiệm vi sinh không theo máy năm 2025

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 46/VĐ-KD ngày 28 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Amoxycillin/clavulanic acid 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Amoxycillin/clavulanic acid có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	6.000
2	Ampicillin 10μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Ampicillin có nồng độ 10μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	2.000
3	Amikacin 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Amikacin có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	5000
4	Tetracycline 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Tetracycline có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
5	Sulphamethoxazole/ trimethoprim 25μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim có nồng độ 25μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	6000
6	Cefuroxime 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Cefuroxime có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
7	Cefotaxime 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Cefotaxim có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
8	Ceftriaxone 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Ceftriaxon có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
9	Ceftazidime 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Ceftazidime có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1500
10	Chloramphenicol 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Chloramphenicol có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
11	Ciprofloxacin 5μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Ciprofloxacin có nồng độ 5μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	3000
12	Clindamycin 2μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Clindamycin có nồng độ 2μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
13	Doxycycline 30μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Doxycycline có nồng độ 30μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	2000
14	Ertapenem 10μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Ertapenem có nồng độ 10μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	6000
15	Erythromycin 15μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Erythromycin có nồng độ 15μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
16	Gentamicin 10μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Gentamycin có nồng độ 10μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	3000
17	Meropenem 10μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Meropenem có nồng độ 10μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	6000
18	Levofloxacin 5μg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Levofloxacin có nồng độ 5μg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	5000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
19	Vancomycin 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Vancomycin có nồng độ 30µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	4000
20	Aztreonam 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Aztreonam có nồng độ 30µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
21	Linezolid 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Linezolid có nồng độ 30µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	2000
22	Penicillin G 10 units	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Penicillin G nồng độ 10 units cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
23	Tobramycin 10µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Tobramycin có nồng độ 10µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	500
24	Fosfomycin 50µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Fosfomycin có nồng độ 50µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1500
25	Minocycline 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Minocycline có nồng độ 30µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1500
26	Nitrofurantoin 300µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Nitrofurantoin có nồng độ 300µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1500
27	Metronidazole 5µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Metronidazole có nồng độ 5µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1500
28	Teicoplanin 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Teicoplanin có nồng độ 30µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
29	Tigecycline 15µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Tigecycline có nồng độ 15µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
30	Spectinomycin 100µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Spectinomycin có nồng độ 100µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	400
31	Bacitracin 10 units	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Bacitracin nồng độ 10 units cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	200
32	Optochin	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Optochin có nồng độ 5µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Lọ 50 khoanh	Khoanh	200
33	Metronidazole 0.016 -256µg	Thanh kháng sinh Metronidazole có dải nồng độ theo bậc 0.016 - 256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
34	Clindamycin 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Clindamycin có dải nồng độ theo bậc 0.016- 256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
35	Tetracycline 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Tetracycline có dải nồng độ theo bậc 0.016- 256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
36	Vancomycin 0.016 -256 ug	Thanh kháng sinh Vancomycin có dải nồng độ theo bậc 0.016- 256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
37	Imipenem (IP0.002 - 32)	Thanh kháng sinh Imipenem có dải nồng độ theo bậc 0.002 - 32mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
38	Meropenem(MP 0.002 -32)	Thanh kháng sinh Meropenem có dải nồng độ theo bậc 0.002 - 32mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
39	Levofloxacin 0.002-32mcg	Thanh kháng sinh Levofloxacin có dải nồng độ theo bậc 0.002 - 32mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
40	Teicoplanin 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Teicoplanin có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
41	Amoxicillin/clavulanic acid 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Amoxicillin/clavulanic acid có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
42	Chloramphenicol 0.016- 256mcg	Thanh kháng sinh Chloramphenicol có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
43	Piperacillin/Tazobactam 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Piperacillin/Tazobactam có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
44	Ertapenem 0.002-32mcg	Thanh kháng sinh Ertapenem có dải nồng độ theo bậc 0.002 - 32mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
45	Tigecycline 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Tigecycline có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 30 thanh	Thanh	30
46	Khay kháng sinh đồ cho vi khuẩn gram âm có chứa colistin và ceftazidime/ Avibactam, Ceftolozane/ Tazobactam và nhiều loại kháng sinh khác	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm với Colistin, Ceftazidime/Avibactam và Ceftolozane/Tazobactam. Khay kit sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC). Sản phẩm có chứng nhận IVD. Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm. Thành phần kháng sinh (dải nồng độ -µg/ml): Meropenem (0.12-16), Gentamicin (0.5-8), Ciprofloxacin (0.06-2), Amoxicillin/clavulanic acid liều cố định 2 (4/2-64/2), Colistin (0.25-8), Tigecycline (0.25-4), Ceftazidime (0.5-16), Imipenem (0.5-16), Aztreonam (0.5-32), Ceftolozane/tazobactam 4 (0.5/4-32/4), Trimethoprim/sulfamethoxazole (1/19-8/152), Piperacillin/tazobactam liều cố định 4 (1/4-32/4), Cefotaxime (0.5-8), Ceftazidime/avibactam (0.5/4-16/4), Ertapenem (0.12-2), Amikacin (4-32), Tobramycin (1-8). Các kháng sinh được phiên giải kết quả theo tiêu chuẩn của CLSI hoặc EUCAST.	Hộp 10 khay	Khay	130
47	Khay kháng sinh đồ Colistin	Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. Khay được thiết kế có thể thực hiện cùng lúc 8 mẫu/khay với kháng sinh Colistin. Thành phần kháng sinh (dải nồng độ - µg/ml): Colistin (0.12-128) x 8 hàng Bảo quản: 15 -25°C Các kháng sinh được phiên giải kết quả theo tiêu chuẩn của CLSI hoặc EUCAST.	Hộp 10 khay	Khay	210

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
48	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn kỵ khí	Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn kỵ khí Thành phần kháng sinh (dải nồng độ - µg/ml): Penicillin (0,06-8), Amoxicillin (0,25-32), Amoxicillin / clavulanic acid tỉ lệ 2:1 (0,25/0,12 - 32/16), Piperacillin / tazobactam liều cố định 4µg/ml (16/4 - 128/4), Piperacillin (16-128), Cefoxitin (0,5-64), Imipenem (0,06-128), Chloramphenicol (2-16), Erythromycin (1-128), Clindamycin (0,5-64), Metronidazole (0,5-32), Moxifloxacin (0,12 - 8), Tetracycline (2-16), Vancomycin (2-8) Bảo quản: 15 -25°C Các kháng sinh được phiên giải kết quả theo tiêu chuẩn của CLSI hoặc EUCAST.	Hộp 10 khay	Khay	20
49	Nước khử khoáng vô trùng pha huyền dịch vi khuẩn, vi nấm	Nước khử khoáng vô trùng	Hộp 100 ống x 5 mL	Ống	600
50	Canh thang sử dụng cho kháng nấm đồ vi pha loãng	Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ	Hộp 10 ống x 11 mL	Ống	400
51	Khay kháng sinh đồ nấm theo phương pháp vi pha loãng	- Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm chất chống ẩm. - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. Thông số kỹ thuật - Khay kháng nấm đồ với anidulafungin và micafungin - Khay sử dụng chất chỉ thị màu alamarBlue - Thành phần kháng nấm (dải nồng độ - µg/ml): Micafungin (0.008-8), Caspofungin (0.008-8), 5-Flucytosine (0.06-64), Posaconazole (0.008-8), Voriconazole (0.008-8), Itraconazole (0.015-16), Fluconazole (0.12-256), Anidulafungin (0.015-8), Amphotericin B (0.12-8). Các kháng sinh được phiên giải kết quả theo tiêu chuẩn của CLSI hoặc EUCAST.	Hộp 10 khay	Khay	400
52	Caspofungin CAS,5µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Caspofungin có nồng độ 5µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
53	Voriconazole VO,1µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Voriconazole có nồng độ 1µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
54	Fluconazole, FLU 25 µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh Fluconazole có nồng độ 25µg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 5 x 50 khoanh	Khoanh	1000
55	Fluconazole 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh Fluconazole có dải nồng độ theo bậc 0.016-256mcg dùng cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 30 thanh	Thanh	60
56	Voriconazole(VO 0.002 -32)	Thanh kháng sinh Voriconazole có dải nồng độ theo bậc 0.002 -32 mcg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 30 thanh	Thanh	60
57	AmphotericinB (AP 0.002 -32)	Thanh kháng sinh Amphotericin B có dải nồng độ theo bậc 0.002 -32 mcg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 30 thanh	Thanh	60
58	Caspofungin(CS 0.002 - 32)	Thanh kháng sinh Caspofungin có dải nồng độ theo bậc 0.002 -32 mcg cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi nấm	Hộp 30 thanh	Thanh	60

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
59	Dung dịch pha loãng đờm	Dung dịch hoá chất NALC (N-Acetyl-L-Cysteine) dùng để xử lý tan đờm và tập nhiễm trong mẫu bệnh phẩm		Lọ	4000
60	Dung dịch thuốc thử Oxidase	Hóa chất N, N, N, N-tetramethyl-1,4-phenylenediamine, Axit ascorbic phát hiện phản ứng enzyme oxy hóa cytochrom	Hộp 50 ống x 0.75ml	Hộp	2
61	Giấy thấm oxidase	Thử nghiệm nhanh hoạt tính của enzym cytochrome oxidase của vi khuẩn	Hộp 10-50 khoan	Hộp	2
62	Kovac's - Reagent	Thuốc thử sinh hóa dùng trong nuôi cấy định danh vi khuẩn	Hộp 1 ống 25ml-50ml	Hộp	10
63	Chi thị nhận biết kỵ khí	Chi thị nhận biết kỵ khí	Hộp 50 test	Test	200
64	Vitamin K1, Hemin	Thành phần bao gồm: Hemin, Sodium Hydroxide, Phytomenadione (Vitamin K1), Ethyl Alcohol	Hộp 10 ống x 10ml	Ống	200
65	Genbag Anaer	Túi tạo khí trường kỵ khí dùng với hộp ủ, thành phần gồm than hoạt, natri ascorbate, chất hữu cơ và vô cơ khác chứa trong túi nhôm	Hộp 10 túi	Túi	30
66	Genbag microaer	Túi tạo khí trường dùng cho vi khuẩn vi hiếu khí gồm: 20 túi nhựa, 20 túi khí trường vi hiếu khí	Hộp 20 túi	Túi	40
67	Viên khử mùi nổi hấp	Hoá chất khử mùi lò hấp ẩm	Hộp 100 viên	Hộp	24
68	Chi thị nha bào nổi hấp	Nha bào thử test sinh học lò hấp ẩm	Hộp 50 ống x 4ml	Ống	100
69	Chi thị hóa học cho nổi hấp ẩm	Chi thị hóa học dùng để kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn của dụng cụ. Vạch mực hiển thị từ màu vàng sang đen đậm nếu tiệt khuẩn đạt chất lượng.	Hộp 200 cái	Cái	200
70	Chủng chuẩn Clostridium difficile ATCC 700057	Chủng chuẩn vi khuẩn Clostridium difficile ATCC 700057 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
71	Chủng chuẩn Eggerthella lenta ATCC 43055	Chủng chuẩn vi khuẩn Eggerthella lenta ATCC 43055 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
72	Chủng chuẩn Neisseria gonorrhoeae ATCC 49226	Chủng chuẩn vi khuẩn Neisseria gonorrhoeae ATCC 49226 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
73	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC 90028	Chủng chuẩn vi nấm Candida albicans ATCC 90028 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
74	Chủng chuẩn Candida glabrata ATCC 15126	Chủng chuẩn vi nấm Candida glabrata ATCC 15126 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
75	Chủng chuẩn Candida glabrata ATCC 66032	Chủng chuẩn vi nấm Candida glabrata ATCC 66032 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
76	Chủng chuẩn Aspergillus fumigatus ATCC 204305	Chủng chuẩn xác định vi khuẩn Aspergillus fumigatus ATCC 204305	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5
77	Chủng chuẩn Aspergillus flavus ATCC 204304	Chủng vi sinh vật chuẩn Aspergillus flavus ATCC 204304 đông khô được gắn vào màng phim ở đầu que cấy để kiểm tra chất lượng Hộp gồm 5 que cấy. Mỗi que cấy chứa vi sinh vật được đóng riêng rẽ	Hộp 5 que/viên	Que/Viên	5

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
78	Hạt lưu trữ vi khuẩn	Hạt lưu trữ vi khuẩn để lưu trữ lâu dài các vi sinh vật ở nhiệt độ thấp.	Hộp 80 ống	Ống	800
79	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Mỗi ống chứa hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương		Ống	320
80	Môi trường thạch bột Blood Agar Base	Môi trường thạch bột Blood Agar Base cho nuôi cấy định danh	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	40
81	Môi trường thạch bột Mueller Hinton Agar cho thử nghiệm kháng sinh khoanh giấy	Môi trường thạch bột Mueller Hinton Agar cho thử nghiệm kháng sinh khoanh giấy	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	20
82	Môi trường bột Brain Heart Broth	Môi trường bột khô dùng để sản xuất môi trường canh thang lỏng trong nuôi cấy vi khuẩn. Thành phần gồm những hoạt chất cơ bản như: Enzymatic Digest of Animal Tissues; Dehydrated Calf Brain Infusion; Dehydrated Beef Heart Infusion; pH cuối cùng 7.4 ± 0.2 ở 25°C .	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	6
83	Môi trường thạch bột Chromogel urine agar	Môi trường tạo màu để xác định và định danh sơ bộ tất cả các tác nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Thành phần bao gồm: Peptone, Chromogenic mix, Agar	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	4
84	Môi trường bột Nutrient Broth	Môi trường bột khô dùng để sản xuất môi trường canh thang lỏng trong nuôi cấy vi khuẩn. Thành phần gồm những hoạt chất cơ bản như: Beef Extract; Peptone; Yeast Extract; Sodium Chloride; pH cuối cùng 6.8 ± 0.2 ở 25°C .	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	4
85	Môi trường thạch bột Bile Esculin Agar	Môi trường thạch bột Bile Esculin Agar cho nuôi cấy định danh	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	2
86	Môi trường thạch bột Pseudomonas Agar	Môi trường thạch bột Pseudomonas Agar cho nuôi cấy định danh	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	2
87	Môi trường thạch mền di động Manit Motily	Môi trường thạch mền di động Manit Motily cho nuôi cấy định danh	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	2
88	Môi trường thạch bột Kligler iron agar	Môi trường thạch bột Kligler iron agar cho nuôi cấy định danh	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	4
89	Môi trường thạch bột Simmons Citrate Agar	Môi trường thạch để phân biệt Enterobacteriaceae dựa trên việc sử dụng citrate trong quá trình phát triển. Thành phần bao gồm: Magnesium sulphate, Ammonium dihydrogen phosphate, Sodium ammonium phosphate, Sodium citrate, tribasic, Sodium chloride, Bromothymol blue, Agar, pH 7.0 ± 0.2 .	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	2
90	Hóa chất Urea	Hóa chất vô cơ Ure tinh thể đóng hộp	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	1
91	Môi trường thạch bột dùng để sản xuất môi trường vận chuyển mẫu cho vi khuẩn kỵ khí và gram âm	Môi trường vận chuyển vi khuẩn kỵ khí và Gram âm. Thành phần gồm: Disodium hydrogen phosphate, Sodium thioglycollate, sodium chloride, Calcium chloride, Agar	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	2
92	Môi trường thạch bột skim milk giàu dinh dưỡng cho nuôi cấy lưu giữ chủng vi khuẩn	Môi trường vi sinh giàu dinh dưỡng cho nuôi cấy định danh, lưu giữ chủng lâu dài	Hộp/Lọ/Chai 500g	Hộp/Lọ/Chai	4
93	NIT 1 + NIT 2 (thuốc thử cho đọc kết tính chất của kit 20NE và ID32A)	Ống 5ml chứa Axit sulfanilic & ống 5ml chứa N,N-dimethyl-1-naphthylamine.	Hộp 2 x 2 Ống	Hộp	2
94	Rapid ID 32 A	Thanh định danh nhanh vi khuẩn kỵ khí trong 4 giờ. Thanh gồm 32 giếng chứa các hóa chất đông khô	Hộp 25 thanh	Thanh	700

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
95	Thuốc thử James cho thử nghiệm tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn	Gồm R1 chứa HCl 1N và R2 chứa hợp chất J 2183.	Hộp 2 Ống + 1 nắp bảo vệ	Hộp	6
96	Thuốc thử Fast Blue	Ống 5ml chứa Natri lauryl sulfate, Methanol, Dimethylsulfoxide	Hộp 2 Ống + 1 nắp bảo vệ	Hộp	16
97	Kit định danh thử công sử dụng công nghệ enzyme cho vi khuẩn kỵ khí	Thẻ định danh thử công sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ. Phản ứng định danh dựa trên các enzyme của vi khuẩn, nên không cần sử dụng dầu khoáng để xác định các vi khuẩn kỵ khí. Thẻ gồm 18 cơ chất giúp định danh cho hơn 90 vi khuẩn kỵ khí quan trọng trong y học.	Hộp 20 thẻ	Thẻ	20
98	Dung dịch chuẩn bị huyền phù ống 1 ml	Dung dịch chuẩn bị huyền dịch phù hợp dùng trong định danh thử công, ống 1ml	Hộp 20 ống	Ống	20
99	Thuốc thử indole	Thuốc thử phản ứng indole cho định danh thử công vi khuẩn kỵ khí	Lọ 15ml	Lọ	4
100	Thuốc thử Nitrate A cho các kit định danh	Thuốc thử Nitrate chứa Sulfanilic Acid	Lọ 15ml	Lọ	2
101	Thuốc thử Nitrate B cho các kit định danh	Thuốc thử Nitrate chứa n,n-Dimethyl-1-naphthylamine	Lọ 15ml	Lọ	2
102	Bộ thuốc nhuộm Gram	Các hóa chất nhuộm màu vi khuẩn gồm 4 thành phần cơ bản cùng bộ: màu tím, lugon, cồn tẩy màu, màu hồng)	Hộp 4x250ml	Hộp	30
103	Bộ thuốc nhuộm AFB lạnh	Các hóa chất nhuộm màu vi khuẩn kháng cồn kháng toan bằng phương pháp nhuộm màu lạnh gồm 3 thành phần cơ bản cùng bộ: màu hồng, cồn tẩy màu, màu xanh)	Hộp 04 lọ	Hộp	8
104	Thạch máu Columbia đĩa đồ sẵn	Thạch Columbia với 5% máu cừu là môi trường nuôi cấy chung được dùng để phát triển và phục hồi các chủng vi sinh vật khó mọc.	Hộp 10 đĩa	Đĩa	3000
105	Thạch đĩa MacConkey đồ sẵn	Môi trường thạch MacConkey cho nuôi cấy định danh vi khuẩn	Hộp 10 đĩa	Đĩa	3000
106	Ống môi trường Brain Heart Infusion Broth đồ sẵn	Môi trường lỏng Brain Heart Infusion Broth dạng ống dùng trong định danh vi khuẩn	Hộp 20 lọ	Lọ	2000
107	Môi trường thạch đĩa máu cừu cho vi khuẩn kỵ khí có hemin và vitamin K3 và chất khử oxy	Môi trường phân lập vi khuẩn kỵ khí. Môi trường chứa các yếu tố tăng trưởng: cao nấm men, hemin và vitamin K3 và thêm máu cừu, Chất khử (L-cystine) và dextrose	Hộp 20 đĩa	Đĩa	600
108	Môi trường ống pepton lỏng cho vi khuẩn kỵ khí có chất khử oxy	Môi trường tăng sinh phát hiện vi khuẩn kỵ khí. Thành phần chứa hỗn hợp peptone, chất khử (L-cystine và thioglycolic acid), yeast extract thích hợp cho vi khuẩn kỵ khí phát triển. Môi trường cũng chứa chỉ	Hộp 20 ống	Ống	400
109	Môi trường thạch ống Mannitol Salt Agar đồ sẵn	Môi trường Mannitol Salt Agar dạng ống dùng trong định danh vi khuẩn	Hộp 20 lọ	Lọ	600
110	Môi trường lỏng phát hiện đặc tính Urease, Indole đồ ống sẵn	Môi trường phát hiện đặc tính Urease, Indole. Môi trường chứa urea, L-tryptophan, Phenol red, 95% alcohol	Hộp 10 ống x 10ml	Hộp	800
111	Bộ kit cho xét nghiệm định lượng Interferon gamma chẩn đoán nhiễm VK lao bằng phương pháp ELISA	Gồm hóa chất ELISA + Ống thu máu	Bộ 50 test	Bộ	40
112	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán máng Schistosoma	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán máng (Schistosoma) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
113	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán dải chó Echinococcus	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán dải chó (Echinococcus) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
114	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán dải heo Cysticercosis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán dải heo (Cysticercosis) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
115	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Amip E.histolitica	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Amip (E.histolitica) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
116	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun lươn ruột Strongyloides stercoralis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun lươn ruột (Strongyloides stercoralis) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
117	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun xoắn Trichinella spiralis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun xoắn (Trichinella spiralis) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
118	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán lá gan lớn Fasciola	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán lá gan lớn (Fasciola) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA.	Hộp 96 test	Hộp	6
119	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun đũa chó Toxocara	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun đũa chó mèo (Toxocara) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA	Hộp 96 test	Hộp	6
120	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Helicobacter pylori	Định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh và huyết tương người bằng kỹ thuật ELISA	Hộp 96 test	Hộp	2
Tổng số: 120 khoản					



GIÁM ĐỐC

★ Dương Đức Hùng

PHỤ LỤC - MẪU BÁO GIÁ
Kính gửi: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Chúng tôi...*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho mặt hàng hóa chất như sau:

1. Báo giá cho mặt hàng hóa chất và dịch vụ liên quan:

STT	STT theo Yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)
1											
2											
n	...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm. ..*[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Thông tin của người phụ trách làm báo giá *[ghi cụ thể tên và số điện thoại liên hệ]*.

..., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.